

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ PRÔNG
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 10/2024/HNGĐ- ST

Ngày 20/6/2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PRÔNG, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Khả Thế.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Công Chự;

2. Ông Nguyễn Ngọc Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Đức Quang - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Nhật Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự, thụ lý số: 352/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST- HNGĐ, ngày 26 tháng 4 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2024/QĐST- HNGĐ, ngày 24 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị Tuyết N, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Bị đơn: Anh Hoàng Văn D, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Làng M, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai

(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, cùng tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Phan Thị Tuyết N trình bày: Chị và anh Hoàng Văn D tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai vào ngày 15/3/2021. Sau khi tổ chức lễ cưới theo phong tục, chị và anh D chung sống tại nhà cha mẹ của anh D tại Làng M, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Quá trình chung sống mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau, từ ngày 09/3/2023 anh D đuổi chị ra khỏi nhà, chị đã bế con về nhà cha mẹ đẻ của chị tại Thôn Đ, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai sinh sống. Từ đó đến nay, vợ chồng không quan tâm gì đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Về con chung: Chị và anh Hoàng Văn D có 01

(một) con chung tên là: Hoàng Bích T, sinh ngày 24/6/2021 hiện con chung do chị đang trực tiếp nuôi dưỡng, chị mong muốn được nuôi con chung và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng; Về tài sản chung và thanh toán nghĩa vụ chung: Chị Phan Thị Tuyết N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Bị đơn anh Hoàng Văn D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Hoàng Văn D không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Tuyết N, anh D cũng không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra chứng cứ và phiên hòa giải. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của pháp luật.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Prông tham gia phiên tòa – Bà Trần Thị Nhất L có ý kiến phát biểu như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của các đương sự, chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

+ Thành phần Hội đồng xét xử: Các thành viên Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đều có mặt đầy đủ theo đúng thành phần, không có sự thay đổi thành phần của Hội đồng xét xử.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

+ Đối với các đương sự:

Nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn: Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các nội dung được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự về nội quy phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phan Thị Tuyết N và xử ly hôn giữa chị Phan Thị Tuyết N và anh Hoàng Văn D. Về con, đề nghị Hội đồng xét giao 01 (một) con chung tên là Hoàng Bích T, sinh ngày 24/6/2021 cho chị Phan Thị Tuyết N tiếp tục, trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Hoàng Văn D được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở; Về tài sản chung và thanh toán nghĩa vụ chung các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí, nguyên đơn là chị Phan Thị Tuyết N phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phan Thị Tuyết N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai giải quyết cho ly hôn với anh Hoàng Văn D, đây là vụ án tranh chấp về ly hôn. Anh Hoàng Văn D có nơi cư trú tại Làng M, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai. Anh Hoàng Văn D vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử và tiến hành tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ cho anh Hoàng Văn D lần thứ 1 nhưng anh D vắng mặt không có lý do. Tòa án có quyết định hoãn phiên Tòa và tiến hành triệu tập hợp lệ anh Hoàng Văn D lần thứ 2, nhưng anh D vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh D là phù hợp với điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử nhận thấy giữa chị Phan Thị Tuyết N và anh Hoàng Văn D có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai vào ngày 15/3/2021 là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật, không bị lừa dối, ép buộc, không vi phạm điều kiện kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị Tuyết N Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa chị Phan Thị Tuyết N và anh Hoàng Văn D có xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung. Vợ chồng không có ý chí phấn đấu để xây dựng hạnh phúc gia đình, bởi vậy đời sống chung của hai vợ chồng không được hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Phan Thị Tuyết N xin ly hôn là có căn cứ, do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phan Thị Tuyết N là phù hợp.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị Phan Thị Tuyết N và anh Hoàng Văn D có 01 (một) con chung tên là: Hoàng Bích T, sinh ngày 24/6/2021, từ khi sống ly thân với anh D cho đến nay cháu Hoàng Bích T được chị N nuôi dưỡng trực tiếp, trong thời gian qua cháu T có cuộc sống tốt, phát triển bình thường và chị N có nguyện vọng tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung, vậy căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân gia đình giao cho chị Phan Thị Tuyết N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình là phù hợp.

Anh Hoàng Văn D có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở việc thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của các đương sự hoặc của các cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về việc cấp dưỡng tiền nuôi con, chị Phan Thị Tuyết N không yêu cầu nên Tòa án không đặt vấn đề giải quyết.

[4] *Về tài sản chung và thanh toán nghĩa vụ chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề giải quyết.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn là chị Phan Thị Tuyết N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong việc giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 195; Điều 220; Điểm b, khoản 2 Điều 227; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Tuyết N.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử lý hôn giữa chị Phan Thị Tuyết N và anh Hoàng Văn D.

2. *Về nuôi con*: Giao con chung tên là Hoàng Bích T, sinh ngày 24/6/2021 cho chị Phan Thị Tuyết N được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của các đương sự hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị Phan Thị Tuyết N không yêu cầu nên Tòa án không đặt vấn đề giải quyết.

4. *Về tài sản chung và các khoản nợ chung*: Chị Phan Thị Tuyết N không yêu cầu nên Tòa án không đặt vấn đề giải quyết.

5. *Về án phí sơ thẩm:* Nguyên đơn chị Phan Thị Tuyết N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006685, ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai. Chị Phan Thị Tuyết N đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

6. *Quyền kháng cáo:* Trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 20/6/2024, Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn anh Hoàng Văn D được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Chư Prông;
- Chi cục THADS huyện Chư Prông;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Ia Din;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Khả Thế